

Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng.

Bài 3. Tìm từ trái nghĩa với các từ: hiền từ, cao, dũng cảm, dài, vui vẻ, nhỏ bé, bình tĩnh, ngăn nắp, chậm chạp, sáng sủa, chăm chỉ, khôn ngoan, mới mẻ, xa xôi, rộng rãi, ngoan ngoãn...

Bài 4: Viết 1 đoạn văn tả cảnh 1 buổi sáng (trưa hoặc chiều) trên cánh đồng, trong vườn, làng xóm.

Tiếng Việt 5- ĐỀ 6

Bài 1: Tìm từ đồng nghĩa trong đoạn văn sau:

a) Đất nước ta giàu đẹp, non sông ta như gấm, như vóc, lịch sử dân tộc ta oanh liệt, vẻ vang. Bởi thế mỗi người dân Việt Nam yêu nước dù có đi xa quê hương, xứ sở tới tận chân trời, góc bể cũng vẫn luôn hướng về Tổ Quốc thân yêu với một niềm tự hào sâu sắc...

b) Không tự hào sao được! Những trang sử kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ oai hùng của dân tộc ta rờn rã trong suốt 30 năm gần đây còn ghi lại biết bao tấm gương chiến đấu dũng cảm, gan dạ của những con người Việt Nam anh dũng, tuyệt vời...

Bài 2: Đặt câu với mỗi từ sau:

- a) Vui vẻ.
- b) Phấn khởi.
- c) Bao la.
- d) Bất ngát.
- g) Mênh mông.

Bài 3: Tìm từ trái nghĩa với các câu tục ngữ, thành ngữ sau:

- a) Gạn đục, khơi trong
- b) Gàn mực thì đen, gàn đèn thì rạng
- c) Ba chìm bảy nổi, chín lênh đênh.
- d) Anh em như thể tay chân

Rách lành đùm bọc đỡ hay đỡ đàn.

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 7

Bài 1: Tìm từ đồng nghĩa với từ :

Hoà bình

Bài 2: Đặt câu với mỗi từ tìm được ở bài tập 1.

Bài 3: Hãy viết một đoạn văn ngắn từ 5 - 7 câu miêu tả cảnh thanh bình của quê em.

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 8

Bài 1: Tìm từ đồng âm trong mỗi câu sau và cho biết nghĩa của mỗi từ.

- Bác(1) bác(2) trứng.
- Tôi(1) tôi(2) voi.
- Bà ta đang la(1) con la(2).
- Mẹ tôi trút giá(1) vào rổ rồi để lên giá(2) bếp.
- Anh thanh niên hỏi giá(1) chiếc áo len treo trên giá(2).

Bài 2: Đặt câu để phân biệt từ đồng âm: **đỏ, lợi, mai, đánh.**

- | | |
|---------|----------|
| a. Đỏ: | b. Lợi: |
| c. Mai: | d. Đánh: |

Bài 3: Đố em biết câu sau có viết có đúng ngữ pháp không?

Con ngựa đá con ngựa đá.

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 9

Bài 1: Các câu sau đã sử dụng từ đồng âm nào để chơi chữ? Hãy gạch chân.

- Chín người ngồi ăn nồi cơm chín.

- b) Đùng vội bác ý kiến của bác.
- c) Mẹ em đỗ xe lại mua cho em một nắm xôi đỗ.
- d) Bố tôi vừa mới tôi xong một xe vôi.

Bài 2: Tìm từ đồng âm với mỗi từ sau: *đá, là, rải, đường, chiếu, cày*, đặt câu với mỗi từ đó và giải thích.

- a) *Đá*
- b) *Đường*
- c) *Là*
- d) *Chiếu*
- e) *Cày*

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 10

Bài 1: Mỗi câu dưới đây có mấy cách hiểu? Hãy diễn đạt cho rõ nghĩa trong từng cách hiểu (Có thể thêm từ)

- a) Mời các anh ngồi vào *bàn*.
- b) Đem cá về kho.

Bài 2 : Từ *đi* trong các câu sau, câu nào mang nghĩa gốc, câu nào mang nghĩa chuyển ?

- a) Ca nô đi nhanh hơn thuyền.
- b) Anh đi ô tô, còn tôi đi xe đạp.
- c) Bà cụ ốm nặng đã đi từ hôm qua.
- d) Thằng bé đã đến tuổi đi học.
- e) Nó chạy còn tôi đi.
- g) Anh đi con mã, còn tôi đi con tốt.
- h) Ghế thấp quá, không đi với bàn được.

Bài 3: Thay thế từ *ăn* trong các câu sau bằng từ thích hợp :

- a) Tàu ăn hàng ở cảng.
- b) Cậu làm thế để ăn đòn lăm.
- c) Da bạn ăn phần lăm.
- d) Hồ dán không ăn giấy.
- e) Hai màu này rất ăn nhau.
- g) Rễ cây ăn qua chân tường.

h) Mảnh đất này ăn về xã bên.

k) Một đô la ăn mấy đồng Việt Nam?

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 11

Bài 1: Chọn từ thích hợp: *dải lụa, thảm lúa, kì vĩ, thấp thoáng, trắng xoá, trùng điệp* điền vào chỗ chấm :

Từ đèo ngang nhìn về hướng nam, ta bắt gặp một khung cảnh thiên nhiên.... ; phía tây là dãy Trường Sơn....., phía đông nhìn ra biển cả, Ở giữa là một vùng đồng bằng bát ngát biếc xanh màu diệp lục. Sông Gianh, sông Nhật Lệ, những con sông như ...vắt ngang giữa...vàng rồi đổ ra biển cả. Biển thì suốt ngày tung bọtkì cộ cho hàng trăm mỏm đá nhấp nhô...dưới rừng dương.

Bài 2 : Đặt các câu với các từ ở bài 1

- + Kì vĩ
- + Trùng điệp
- + Dải lụa
- + Thảm lúa
- + Trắng xoá.
- + Thấp thoáng.

Bài 3 : (HSKG) : Đặt 4 câu với nghĩa chuyển của từ *ăn* ?

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 12

Bài 1: Tìm các thành ngữ, tục ngữ, ca dao trong đó có những từ chỉ các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên?

Bài 2: Tìm các từ miêu tả không gian

- a) Tả chiều rộng:
- b) Tả chiều dài (xa):

c) Tả chiều cao:

d) Tả chiều sâu:

Bài 3 : Đặt câu với mỗi loại từ chọn tìm được ở bài tập 2.

a) Từ chọn: bát ngát.

b) Từ chọn: dài dằng dặc.

c) Từ chọn: vời vợi

d) Từ chọn: hun hút

Bài 4: Tìm nghĩa gốc và nghĩa chuyển của các câu sau :

a) Mừng thâm trong bụng

b) Thất lung buộc bụng

c) Đau bụng

d) Đói bụng.

đ) Bụng mang dạ chứa.

g) Mở cờ trong bụng.

h) Có gì nói ngay không để bụng.

i) Ăn no chắc bụng.

k) Sống để bụng, chết mang theo.

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 13

Bài 1: Tìm đại từ chỉ ngôi trong đoạn văn sau và cho biết cách dùng đại từ xưng hô trong đoạn văn đối thoại đó cho em biết thái độ của Rùa và Thỏ đối với nhau ra sao?

“Trời mùa thu mát mẻ. Trên bờ sông, một con rùa đang cố sức tập chạy. Một con thỏ trông thấy mỉa mai bảo Rùa rằng:

- Đồ chậm như sên! Mà cũng đòi tập chạy à?

Rùa đáp:

- Anh đừng giễu tôi. Anh với tôi thử chạy thi coi ai hơn?

Thỏ vênh tai lên tự đắc :